

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5
TRƯỜNG MẦM NON 3
ĐIỆN THOẠI: 028.38363955
QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP TRƯỜNG
SỐ 2412/QĐ-UB, ngày 08/9/1993

Biểu mẫu 01
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Nhà trẻ	Mẫu giáo
I	Chất lượng nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ dự kiến đạt được	1/ Thể chất: 80% đạt yêu cầu 2/ Nhận thức: 75% đạt yêu cầu 3/ Ngôn ngữ: 70% đạt yêu cầu 4/ Tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ: 75% đạt yêu cầu	1/ Thể chất: 90% đạt yêu cầu 2/ Nhận thức: 85% đạt yêu cầu 3/ Ngôn ngữ: 85% đạt yêu cầu 4/ Tình cảm, kỹ năng xã hội: 90% đạt yêu cầu 5/ Thẩm mỹ: 86% đạt yêu cầu
II	Chương trình giáo dục mầm non của nhà trường thực hiện	Thông tư 51/2020/TT/BGD-ĐT ngày 31/12/2020.	Thông tư 51/2020/TT/BGD-ĐT ngày 31/12/2020.
III	Kết quả đạt được trên trẻ theo các lĩnh vực phát triển	1/ Thể chất: 90% đạt yêu cầu 2/ Nhận thức: 91% đạt yêu cầu 3/ Ngôn ngữ: 85% đạt yêu cầu 4/ Tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ: 92% đạt yêu cầu	1/ Thể chất: 95% đạt yêu cầu 2/ Nhận thức: 96% đạt yêu cầu 3/ Ngôn ngữ: 98% đạt yêu cầu 4/ Tình cảm, kỹ năng xã hội: 90% đạt yêu cầu 5/ Thẩm mỹ: 95% đạt yêu cầu
IV	Các hoạt động hỗ trợ chăm sóc giáo dục trẻ ở cơ sở giáo dục mầm non	- Khẩu phần dinh dưỡng: 765-893 Kcal - Thực đơn phù hợp lứa tuổi - Có tổ chức ăn sáng cho các cháu nhà trẻ tại trường - Theo dõi sức khỏe: 100% + Khám sức khỏe: 100% Với trẻ em: 1 lần/năm Với giáo viên: 1 lần/năm + Tẩy giun: 2 lần/năm - Kết quả nuôi dưỡng Số trẻ nhà trẻ: 52 bé Suy dinh dưỡng cân nặng: 4 bé Phụ hồi: 4 bé Tỷ lệ: 100% Dự cân béo phì: 3 bé Phục hồi: 2 bé Tỷ lệ: 66,66%	- Khẩu phần dinh dưỡng: 615 - 726 Kcal. - Thực đơn phù hợp lứa tuổi - Có tổ chức ăn sáng cho các cháu mẫu giáo tại trường - Theo dõi sức khỏe: 100% + Khám sức khỏe: 100% Với trẻ em: 1 lần/năm Với giáo viên: 1 lần/năm + Tẩy giun: 2 lần/năm - Kết quả nuôi dưỡng Số trẻ mẫu giáo: 122 bé Suy dinh dưỡng cân nặng: 13 bé Phụ hồi: 12 bé Tỷ lệ: 92,3% Dự cân béo phì: 35 bé Phục hồi: 21 bé Tỷ lệ: 60%

Quận 5, ngày 18 tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)



Ngô Thị Ngọc Hạnh

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5
TRƯỜNG MẦM NON 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỆN THOẠI: 028.38363955
QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP TRƯỜNG
Số 2412/QĐ-UB, ngày 08/9/1993

THÔNG BÁO

Công khai cam kết chất lượng giáo dục mầm non thực tế, tuyển sinh năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số trẻ em	Nhà trẻ			Mẫu giáo		
			3-12 tháng tuổi	13-24 tháng tuổi	25-36 tháng tuổi	3-4 tuổi	4-5 tuổi	5-6 tuổi
I	Tổng số trẻ em	174		16	36	32	54	36
1	Số trẻ em nhóm ghép							
2	Số trẻ em học 1 buổi/ngày							
3	Số trẻ em học 2 buổi/ngày	174		16	36	32	54	36
4	Số trẻ em khuyết tật học hòa nhập							
II	Số trẻ em được tổ chức ăn bán trú	174		16	36	32	54	36
III	Số trẻ em được kiểm tra định kỳ sức khỏe	174		16	36	32	54	36
IV	Số trẻ em được theo dõi sức khỏe bằng biểu đồ tăng trưởng	174		16	36	32	54	36
V	Kết quả phát triển sức khỏe của trẻ em							
1	Số trẻ cân nặng bình thường	157		15	35	32	49	26
2	Số trẻ suy dinh dưỡng thể nhẹ cân	1		0	0	0	1	0
3	Số trẻ có chiều cao bình thường	174		16	36	32	54	36
4	Số trẻ suy dinh dưỡng thể thấp còi	0		0	0	0	0	0
5	Số trẻ thừa cân béo phì	16		1	1	0	4	10
VI	Số trẻ em học các chương trình chăm sóc giáo dục	174		16	36	32	54	36
1	Chương trình giáo dục nhà trẻ	52		16	36			
2	Chương trình giáo dục mẫu giáo	122				32	54	36

Quận 5, ngày 18 tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Ngô Thị Ngọc Hạnh

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5
TRƯỜNG MẦM NON 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỆN THOẠI: 028.38363955
QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP TRƯỜNG
Số 2412/QĐ-UB, ngày 08/9/1993

THÔNG BÁO

Công khai thông tin cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục mầm non, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	Tổng số phòng	9	
II	Loại phòng học	9	
1	Phòng học kiên cố	9	
2	Phòng học bán kiên cố		
3	Phòng học tạm		
4	Phòng học nhờ		
III	Số điểm trường	2	
IV	Tổng diện tích đất toàn trường (m ²)	376,9 m ²	
V	Tổng diện tích sân chơi (m ²)	77.26 m ²	
VI	Tổng diện tích một số loại phòng		
1	Diện tích phòng sinh hoạt chung (m ²)	37 m ²	
2	Diện tích phòng ngủ (m ²)	37 m ²	
3	Diện tích phòng vệ sinh (m ²)	10 m ²	
4	Diện tích hiên chơi (m ²)	35 m ²	
5	Diện tích phòng giáo dục thể chất (m ²)	27,5 m ²	
6	Diện tích phòng giáo dục nghệ thuật hoặc phòng đa chức năng (m ²)	33,96 m ²	
7	Diện tích nhà bếp và kho (m ²)	59 m ²	
VII	Tổng số thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu (Đơn vị tính: bộ)	9 bộ	1 bộ/1 lớp
1	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu hiện có theo quy định	9 bộ	1 bộ/1 lớp
2	Số bộ thiết bị, đồ dùng, đồ chơi tối thiểu còn thiếu so với quy định	0	
VIII	Tổng số đồ chơi ngoài trời	5	
IX	Tổng số thiết bị điện tử-tin học đang được sử dụng phục vụ học tập (máy vi tính, máy chiếu, máy ảnh kỹ thuật số v.v...)	7 bộ	
X	Tổng số thiết bị phục vụ giáo dục khác (Liệt kê các thiết bị ngoài danh mục tối thiểu theo quy định)		
1	Ti vi	9	
2	Nhạc cụ (Đàn organ, ghi ta, trống)	6	
3	Máy photo	1	
5	Cassette	0	
6	Đầu Video/đầu đĩa	0	
7	Bảng tương tác	1	
8	Đồ chơi ngoài trời	5	
9	Bàn ghế đúng quy cách	X	

XI	Nhà vệ sinh	Số lượng(m ²)				
		Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m ² /trẻ em	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	X	X		0,55 m ² /Trẻ em	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

(*Theo Quyết định số 14/2008/QĐ-BGDĐT ngày 07/4/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ Trường mầm non và Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24/6/2011 của Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu- điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh)

		Có	Không
XII	Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh	X	
XIII	Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)	X	
XIV	Kết nối internet	X	
XV	Trang thông tin điện tử (website) của cơ sở giáo dục	X	
XVI	Tường rào xây	X	
..			

Quận 5, ngày 18 tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Ngô Thị Ngọc Hạnh

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 5
TRƯỜNG MẦM NON 3

Biểu mẫu 04
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐIỆN THOẠI: 028.38363955
QUYẾT ĐỊNH THÀNH LẬP TRƯỜNG
SỐ 2412/QĐ-UB, ngày 08/9/1993

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của cơ sở giáo dục
mầm non, năm học 2023-2024

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng IV	Hạng III	Hạng II	Tốt	Khá	Trung bình	Kém
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	30		2	11	8	2	7		13	7	13	7		
I	Giáo viên	17		1	10	6				13	4	10	7		
1	Nhà trẻ	6		1	2	3				4	2	4	2		
2	Mẫu giáo	11			8	3				9	2	6	5		
II	Cán bộ quản lý	3		1	2						3	3			
1	Hiệu trưởng	1		1							1	1			
2	Phó hiệu trưởng	2			2						2	2			
III	Nhân viên	10				1	2	7							
1	Nhân viên văn thư	1					1								
2	Nhân viên kế toán	1				1									
3	Thủ quỹ	0													
4	Nhân viên y tế	1					1								
5	Nhân viên khác CD: 3 VS: 2 BV: 2	7						7							
6	Bảo mẫu														

Quận 5, ngày 18 tháng 6 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị
(Ký tên và đóng dấu)



Ngô Thị Ngọc Hạnh